

Bản tin Phân tích kỹ thuật

11/12/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- VN30F2512 chịu tín hiệu giảm với khuynh hướng kiểm định vùng giá 1.900-1.910 điểm. Đà giảm chưa có dấu hiệu suy yếu bởi hợp đồng này đóng cửa quanh vùng giá thấp. (M15)
- Vị thế bán được mở với mục tiêu là vùng 1.910 điểm, dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa trên ngưỡng 1.930 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Bán (S): 1.923 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.910 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.930 điểm

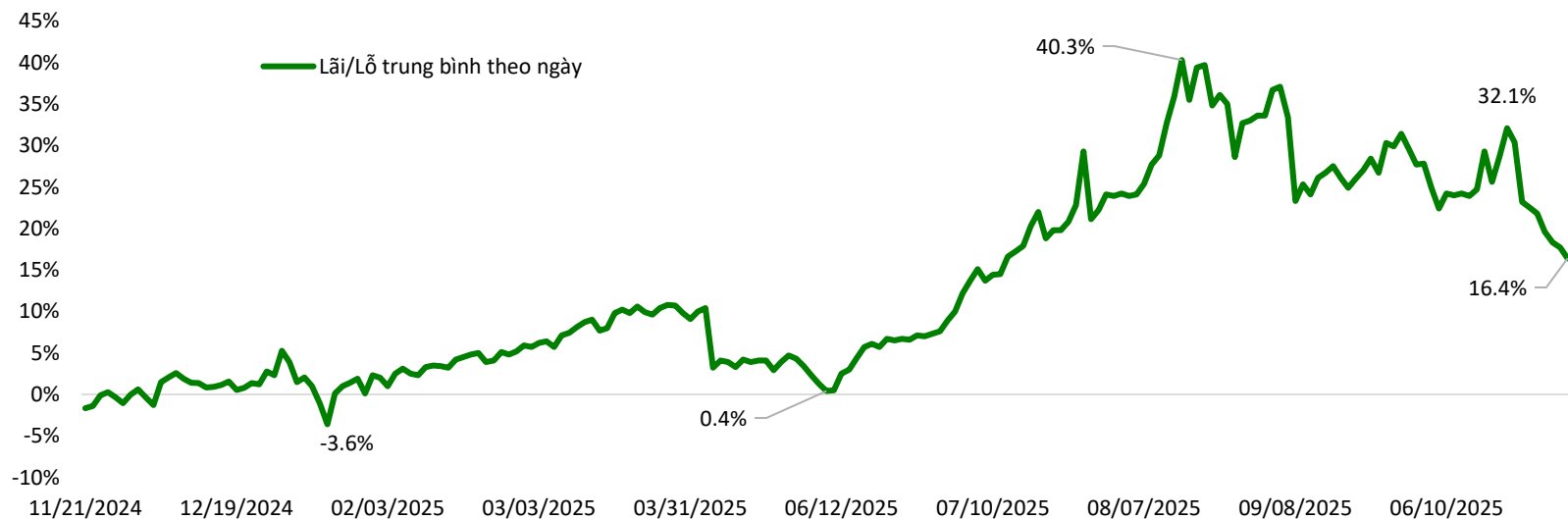
Quan điểm kỹ thuật



- Chỉ số VN-index đóng cửa dưới mốc 1.700 điểm. Đáng chú ý, ngoài nhóm Vingroup, cổ phiếu Ngân hàng cũng góp phần tạo nên hoạt động điều chỉnh trong phiên 11/12. Áp lực bán tuy được tiết chế, thể hiện qua mức thanh khoản thấp trên sàn HOSE, nhưng không ghi nhận sự tham gia đáng kể từ hoạt động mua giá thấp.
- Về tín hiệu kỹ thuật diện rộng, trên 75% cổ phiếu rổ VN30 đang trong giai đoạn điều chỉnh ngắn hạn. Tuy nhiên, chỉ 17% cổ phiếu mất tín hiệu tăng trung hạn. Toàn sàn HOSE, số mã giữ được cấu trúc tăng giá trung hạn chiếm 50%.
- Chỉ số VN-Index giảm điểm 3 phiên liên tiếp, điều này làm tăng khả năng xuất hiện các nhịp hồi kỹ thuật trong thời gian tới. Tuy nhiên, việc giảm với biên độ cao đã thiết lập quán tính điều chỉnh và các nhịp hồi phục sẽ bị cản trở quanh kháng cự 1.730 điểm. Mốc 1.680 điểm sẽ là mục tiêu kế tiếp nếu thiếu vắng hoạt động hồi phục trong phiên 12/12.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
KDH	05/12/2025	10/12/2025	Dừng lỗ	32,500	34,000	-4.4%	33,300	38,000	32,900	
CEO	05/12/2025	10/12/2025	Dừng lỗ	24,200	26,000	-6.9%	24,400	31,000		
DGW	05/12/2025		Đang mở	41,250	43,550	-5.3%	41,000	49,400		
MBB	09/12/2025		Đang mở	24,850	25,000	-0.6%	24,200	28,400		
TCB	09/12/2025		Đang mở	33,400	33,600	-0.6%	32,400	38,500		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	146,000	-1.88%	9.36%	1,125,081	-4.920	1,147	7.7	127.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	101,100	-2.32%	-3.90%	415,259	-2.238	6,133	1.9	16.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VPL	91,000	-5.01%	-10.78%	163,190	-1.900	-60	4.5	-1,526.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	28,150	-2.93%	-6.94%	223,340	-1.521	2,603	1.5	10.8	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VCB	57,600	-1.03%	-2.21%	481,287	-1.153	4,202	2.2	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	188,000	-4.37%	-8.74%	111,223	-1.131	2,897	4.6	64.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEE	191,000	-6.42%	-12.63%	69,906	-1.043	9,095	9.4	21.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	61,500	-2.54%	-3.00%	128,532	-0.757	4,160	3.8	14.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
TCX	44,800	-2.61%	-4.98%	103,547	-0.628	2,390	2.4	18.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	24,850	-1.19%	-3.31%	200,167	-0.555	3,017	1.6	8.2	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
GAS	62,600	-1.42%	-3.69%	151,051	-0.498	5,014	2.3	12.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	50,100	-0.79%	-3.65%	269,037	-0.495	6,208	1.6	8.1	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tích cực
TCB	33,400	-0.89%	-5.65%	236,680	-0.490	3,112	1.4	10.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
STB	47,700	-1.85%	-4.98%	89,925	-0.387	6,519	1.4	7.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	31,750	-1.24%	-3.64%	122,536	-0.354	4,083	1.9	7.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	73,000	-1.35%	1.53%	65,684	-1.868	4,851	5.5	15.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	112,900	2.17%	-11.93%	22,580	1.032	9,526	4.9	11.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTI	39,000	9.55%	20.00%	4,703	0.945	2,493	1.8	15.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
NTP	65,700	3.30%	1.86%	11,237	0.781	5,885	2.8	11.2	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HUT	16,000	-1.23%	-5.33%	17,093	-0.444	488	1.6	32.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHC	117,000	-9.86%	-9.86%	1,922	-0.399	1,616	3.0	72.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SHS	21,200	-0.47%	-3.64%	19,069	-0.188	1,518	1.6	14.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
THD	30,000	0.67%	-1.64%	11,550	0.163	220	2.6	136.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PMC	177,000	4.67%	-4.32%	1,652	0.162	9,023	7.0	19.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DNP	21,500	2.38%	12.57%	3,031	0.152	492	1.4	43.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SSH	68,700	-14.13%	-13.04%	25,763	-3.498	460	4.6	149.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MCH	216,800	1.07%	-1.81%	228,509	2.355	7,722	14.3	28.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACV	53,900	1.13%	-1.82%	198,740	2.150	2,971	3.0	18.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CC1	34,500	15.00%	15.38%	13,476	1.943	892	3.1	38.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SEA	55,000	-14.33%	-1.79%	5,908	-0.814	1,338	2.5	35.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	26,100	2.35%	3.57%	28,999	0.656	-389	2.4	-67.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SJG	18,500	-7.50%	-7.04%	8,316	-0.600	1,954	1.1	9.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PAP	27,500	7.00%	6.59%	5,617	0.378	-1,736	2.7	-13.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	70,500	0.14%	-4.47%	216,439	0.296	3,046	5.7	23.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDP	180,000	-2.70%	-1.37%	11,125	-0.289	28	3.7	6,367.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ABB	15,800	0.6%	67.0	58.7	6,700	15,700	1.0	8.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	1,215,000	2.9%	8.3	3.8	888,800	1,181,000	5.8	28.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QCG	16,450	6.8%	33.1	9.5	8,650	15,500	1.1	40.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TTF	4,060	2.5%	32.9	6.3	2,340	3,960	9.3	63.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SBG	15,600	0.6%	9.2	6.4	10,000	15,500	1.3	21.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BSI	38,600	-1.5%	17.6	18.9	38,850	57,000	1.7	19.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TDP	27,650	-0.9%	7.0	4.3	27,900	37,000	2.2	26.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BMP	169,700	7.0%	86.8	20.9	98,273	172,198	4.4	11.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			11/12/2025	10/12/2025	09/12/2025	08/12/2025	05/12/2025	04/12/2025	03/12/2025	02/12/2025	01/12/2025	28/11/2025
VNINDEX	MA200	Trên	50%	50%	51%	54%	54%	54%	52%	51%	50%	50%
		Dưới	50%	50%	49%	46%	46%	46%	48%	49%	50%	50%
	MA50	Trên	35%	36%	36%	38%	40%	44%	39%	34%	35%	31%
		Dưới	65%	64%	64%	62%	60%	56%	61%	66%	65%	69%
	MA20	Trên	33%	35%	38%	40%	49%	57%	46%	40%	37%	37%
		Dưới	67%	65%	62%	60%	51%	43%	54%	60%	63%	63%

VN30	MA200	Trên	73%	73%	73%	77%	73%	77%	77%	73%	73%	70%
		Dưới	27%	27%	27%	23%	27%	23%	23%	27%	27%	30%
	MA50	Trên	33%	37%	33%	40%	43%	57%	57%	43%	40%	23%
		Dưới	67%	63%	67%	60%	57%	43%	43%	57%	60%	77%
	MA20	Trên	23%	40%	40%	43%	67%	90%	73%	57%	40%	37%
		Dưới	77%	60%	60%	57%	33%	10%	27%	43%	60%	63%

HNX	MA200	Trên	45%	44%	45%	47%	49%	49%	48%	49%	48%	48%
		Dưới	55%	56%	55%	53%	51%	51%	52%	51%	52%	52%
	MA50	Trên	36%	35%	36%	38%	38%	39%	39%	36%	34%	33%
		Dưới	64%	65%	64%	62%	62%	61%	61%	64%	66%	67%
	MA20	Trên	45%	44%	45%	47%	49%	49%	48%	49%	48%	48%
		Dưới	55%	56%	55%	53%	51%	51%	52%	51%	52%	52%

UPCOM	MA200	Trên	33%	35%	36%	37%	36%	37%	36%	34%	36%	37%
		Dưới	67%	65%	64%	63%	64%	63%	64%	66%	64%	63%
	MA50	Trên	36%	38%	37%	38%	38%	37%	36%	35%	36%	37%
		Dưới	64%	62%	63%	62%	62%	63%	64%	65%	64%	63%
	MA20	Trên	42%	42%	43%	43%	43%	43%	43%	42%	42%	42%
		Dưới	58%	58%	57%	57%	57%	57%	57%	58%	58%	58%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 12										Tháng 11									
		11 ↓	10	09	08	05	04	03	02	01	28	27	26	25	24	21	20	19	18	17	14
✓ 1	Bán lẻ	74	81	84	83	83	85	77	73	70	71	74	73	67	70	76	77	80	76	65	62
2	Y tế	71	70	74	77	78	76	77	72	51	48	42	41	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Thực phẩm và đồ uống...	55	56	56	57	53	55	54	54	50	53	56	57	57	56	58	58	59	56	55	50
4	Xây dựng và Vật liệu	54	57	57	58	47	49	46	46	42	45	45	43	41	41	42	43	44	43	41	39
! 5	Du lịch và Giải trí	53	56	57	58	57	56	54	54	54	54	52	50	45	42	43	42	44	40	36	35
! 6	Hàng cá nhân & Gia ...	51	53	59	62	62	64	63	63	65	66	63	60	61	64	64	65	66	60	56	52
! 7	Bảo hiểm	49	51	55	54	41	45	41	37	42	44	45	46	47	55	60	58	60	57	55	59
8	Tài nguyên Cơ bản	49	51	52	48	45	48	43	42	44	49	48	46	47	50	51	52	54	49	45	45
! 9	Hóa chất	49	52	53	56	55	59	56	52	51	53	54	54	54	54	56	57	57	54	49	46
10	Công nghệ Thông tin	47	46	44	44	46	45	42	40	37	42	42	40	46	52	55	53	55	64	56	52
~ 11	Điện, nước & xăng d...	47	49	50	54	53	54	55	56	56	58	59	58	60	63	67	67	65	61	59	55
! 12	Bất động sản	46	50	54	56	53	58	52	49	42	51	52	53	50	51	44	45	46	44	40	36
~ 13	Hàng & Dịch vụ Cón...	46	47	48	47	48	50	49	48	45	50	53	51	44	45	48	42	46	43	41	43
! 14	Ngân hàng	42	42	45	48	45	49	43	35	31	35	34	32	29	29	31	33	35	29	26	26
~ 15	Dầu khí	40	40	50	47	49	49	49	48	46	48	49	49	46	50	57	61	63	65	65	62
16	Ô tô và phụ tùng	30	31	21	23	22	27	25	25	20	27	37	36	41	44	43	45	48	46	47	43
17	Dịch vụ tài chính	20	20	19	22	16	24	18	16	13	14	16	16	18	19	18	19	22	19	17	18

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SAB	52,300	1.6%	2.8%	67,078	3.0	15.5	3,373	86.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	54,600	0.6%	3.4%	40,531	1.7	15.3	3,578	27.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	26,100	2.4%	3.6%	28,999	2.4	-67.9	-389	38.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	59,400	0.0%	4.2%	19,011	3.7	51.7	1,149	113.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	15,800	0.6%	2.6%	16,424	1.0	8.0	1,997	67.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	169,700	7.0%	3.2%	13,892	4.4	11.6	14,639	86.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NTP	65,700	3.3%	1.9%	11,237	2.8	11.2	5,885	32.9	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BAF	35,250	1.9%	4.4%	10,717	2.5	20.6	1,715	96.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	1,215,000	2.9%	3.9%	9,962	5.8	28.4	42,501	8.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KLB	16,600	-1.2%	0.6%	9,635	1.3	6.4	2,609	6.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QCG	16,450	6.8%	19.6%	4,526	1.1	40.3	408	33.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHI	15,800	6.8%	7.1%	2,685	1.5	47.5	333	9.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ELC	22,950	0.0%	5.8%	2,527	2.0	18.0	1,277	18.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	34,900	1.6%	7.6%	2,135	2.3	17.7	1,974	20.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TTF	4,060	2.5%	26.1%	1,598	9.3	63.7	64	32.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NNC	59,200	-0.3%	2.1%	1,298	2.7	11.3	5,228	5.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LDG	4,860	1.0%	6.3%	1,242	1.0	-1.2	-3,973	20.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
DLG	2,920	4.3%	5.8%	874	1.2	3.8	763	10.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
SBG	15,600	0.6%	2.6%	780	1.3	21.9	712	9.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	6,600	6.5%	3.1%	750	0.9	26.4	250	36.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VEA	34,200	0.0%	-2.3%	45,405	1.5	5.9	5,767	8.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GMD	58,000	0.0%	-6.6%	24,737	2.0	16.6	3,499	61.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	24,900	0.0%	-6.4%	3,663	1.7	6.6	3,787	8.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	27,150	-0.2%	-2.9%	3,042	1.3	10.7	2,535	30.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	70,500	0.1%	-4.5%	216,439	5.7	23.4	3,046	19.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	96,000	0.4%	-1.5%	163,537	4.6	18.2	5,280	500.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
GVR	26,650	-0.4%	-4.3%	106,600	1.8	17.0	1,569	27.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	44,800	-2.6%	-5.0%	103,547	2.4	18.7	2,390	23.4	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BCM	65,200	-1.1%	-1.7%	67,482	3.1	18.2	3,576	15.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	62,700	-0.9%	-1.9%	33,962	1.7	13.1	4,776	6.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	42,200	-0.8%	-4.7%	18,920	2.1	13.7	3,090	16.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	27,900	0.0%	-5.1%	18,378	2.6	16.7	1,671	30.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	33,300	-0.1%	-2.8%	17,629	1.7	9.3	3,578	14.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	37,000	-0.3%	-5.6%	14,041	2.1	7.6	4,849	29.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	54,000	1.1%	-3.4%	13,074	2.6	9.9	5,474	9.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	55,600	0.0%	-3.5%	12,480	1.3	8.0	6,944	18.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	97,000	0.3%	-3.8%	11,813	6.8	30.9	3,139	21.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HSG	16,400	-0.3%	-2.7%	10,184	0.9	13.9	1,178	28.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	84,400	0.5%	-4.1%	9,654	4.5	16.5	5,128	22.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EVF	11,600	-2.1%	-5.7%	8,823	0.9	10.2	1,140	25.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	16,850	1.20%	0.30%	25,500	53.2%	178	1.4	94.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VGC	42,200	-0.82%	-4.74%	64,100	50.6%	3,090	2.1	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	34,800	-0.14%	-3.60%	52,100	49.5%	2,138	1.7	16.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KDH	32,500	0.00%	-5.66%	48,500	49.2%	857	2.0	37.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
IDC	37,000	-0.27%	-5.61%	54,000	45.6%	4,849	2.1	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	30,200	-0.33%	-3.82%	42,400	39.9%	1,763	1.7	17.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	33,300	-0.15%	-2.77%	46,600	39.7%	3,578	1.7	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	29,050	-0.68%	-2.77%	40,800	39.5%	1,878	2.3	15.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	14,350	-0.69%	-4.33%	20,000	38.4%	(1,948)	0.8	-7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SIP	54,000	1.12%	-3.40%	73,900	38.4%	5,474	2.6	9.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,950	-0.62%	-3.82%	33,300	38.2%	3,385	1.4	7.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	9,750	-1.02%	-8.02%	13,600	38.1%	639	0.9	15.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GMD	58,000	0.00%	-6.60%	78,200	34.8%	3,499	2.0	16.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	31,300	-0.32%	-5.44%	42,100	34.1%	2,841	1.1	11.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	26,550	-0.38%	-2.75%	35,700	34.0%	1,876	1.6	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	18,000	-0.28%	-6.01%	24,000	33.0%	400	1.6	45.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	33,400	-0.89%	-5.65%	44,800	32.9%	3,112	1.4	10.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ACG	34,600	0.29%	-1.14%	45,800	32.8%	2,973	1.2	11.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
MSN	76,100	-1.17%	-4.76%	101,200	31.4%	2,196	3.3	34.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	28,150	-2.93%	-6.94%	38,000	31.0%	2,603	1.5	10.8	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn